TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 - CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:126/2026/DS-ST
Ngày: 10-7-2026
"V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*Bà Lý Thị Tư.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Cao Văn Quyến

2. Bà Nguyễn Thị Thanh

- Thư ký phiên tòa*:* Ông Trần Văn Huynh - Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 10 - Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Cần Thơ tham gia phiên tòa: Không có.

Ngày 10 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 - Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 294/2026/TLST-DS ngày 27/05/2026 về việc: "Tranh chấp hợp đồng góp hụi", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 352/2026/QĐXXST-DS, ngày 15 tháng 6 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 271/2026/QĐST-DS ngày 29 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1991, CCCD số 094191005094do Cục cảnh sát quản lý hành chính trật tự xã hội cấp ngày 13/8/2021. Địa chỉ: Kinh G, xã K, thành phố Cần Thơ (có mặt).

- Bị đơn:

Bà Bùi Thị T, sinh năm 1973 (có mặt)

Ông Huỳnh Văn K (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Kinh G, xã K, thành phố Cần Thơ (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 11/5/2026 và lời trình bày của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ tại phiên tòa thì: Bà Bùi Thị T và ông Huỳnh K có mở các dây hụi tháng và hụi mùa, bà là hụi viên có tham gia 02 dây hụi tháng 2.000.000 đồng mở cùng ngày 25/12/2022, mỗi dây có 30 phần, bà tham gia 01 phần, tên trong giấy hụi dây 1 là "vợ do chồng bà tên P, bà là người trực tiếp tham gia chơi hụi với bà T, ông K, bà T1 và đã đóng hụi sống cho bà T và ông K đến mãn hụi được 30 lần với số tiền là 2.000.000 đồng x 29 lần x 01 phần = 58.000.000 đồng. Cả hai dây hụi thì bà T, ông K còn nợ bà 116.000.000 đồng.

Bà yêu cầu Tòa án buộc bà Bùi Thị T, ông Huỳnh Văn K và bà Huỳnh Thị Cẩm T1 phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà số tiền hụi còn nợ là 116.000.000 đồng *(Một trăm mười sáu triệu đồng).* Bà Đ không yêu cầu lãi suất đối với số tiền này.

Tại phiên tòa bà Đ cho rằng bà Huỳnh Thị Cẩm T1 là người thu tiền hụi giúp bà T, ông K nên bà rút lại yêu cầu khởi kiện đối với bà T1 và bà đồng ý trừ số tiền đầu thảo cho bà T, ông K là 2.000.000 đồng (mỗi dây 1.000.000 đồng) nên yêu cầu bà T, ông K trả cho bà 114.000.000 đồng.

- *Bị đơn bà Bùi Thị T trình bày:* Bà thừa nhận Đẹp có tham gia các 02 dây hụi do bà làm chủ hụi như bà Đ đã trình bày và đến nay bà Đ đã hốt lần cuối cùng của hai dây hụi được số tiền mỗi dây là 58.000.000 đồng, hai dây thì bàcòn nợ bà Đ tổng cộng là 116.000.000 đồng, sau khi trừ tiền đầu thảo thì bà còn nợ 114.000.000 đồng. Bà đồng ý trả cho bà Đ số tiền 114.000.000 đồng, nhưng hiện nay còn nhiều hụi viên không đóng hụi cho bà nên bà đề nghị được trả dần mỗi tháng 500.000 đồng, khi nào thu hồi được từ các hụi viên đã hốt thì bà sẽ trả nhiều hơn.

- Bị đơn ông Huỳnh An K1 đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến tham gia tố tụng tại Tòa án và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về nội dung vụ án: Bà Nguyễn Thị Đ yêu cầu Tòa án buộc bà Bùi Thị T và ông Huỳnh An K1 và bà Huỳnh Thị Cẩm T1 phải có trách nhiệm liên đới trả lại cho bà số tiền hụi còn nợ 116.000.000 đồng. Tuy nhiên, sau khi trừ tiền đầu thảo2.000.000 đồng thì còn lại là 114.000.000 đồng, bà Đ yêu cầu bà T và ông K1 trả lại cho bà số tiền này và rút lại yêu cầu khởi kiện đối số tiền 2.000.000 đồng và yêu cầu khởi kiện đối với bà Huỳnh Thị Cẩm T1. Xét thấy việc bà Đ rút lại một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ theo khoản 2 Điều 244 đối với phần yêu cầu khởi kiện mà bà H đã rút.

Tại phiên tòa, bà Đ và và T thống nhất xác định bà Đ có tham gia các dây hụi do bà T làm chủ hụi gồm 02 dây hụi do tôi làm chủ hụi như bà Đ đã trình bày và đến nay bà Đ đã hốt lần cuối cùng của hai dây hụi được số tiền mỗi dây là 58.000.000 đồng, sau khi trừ tiền đầu thảo mỗi dây 1.000.000 đồng tổng cộng là 2.000.000 đồng thì bà T còn nợ bà Đ tổng cộng là 114.000.000 đồng. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Mặc dù thống nhất xác định việc bà T còn nợ bà Đ số tiền tổng cộng là 114.000.000 đồng nhưng hai bên không thống nhất phương thức trả nợ vì vậy hòa giải không thành. Tại phiên hòa giải và tại phiên tòa, bà T đề nghị được trả dần số tiền còn nợ bà Đ mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi hết số tiền còn nợ nhưng bà Đ không đồng ý và yêu cầu trả một lần hết số tiền này, do đó Hội đồng xét xử không

có cơ sở xem xét ý kiến của bà Bùi Thị T về việc bà T yêu cầu được trả dần. Tuy nhiên, việc trả dần có thể được các bên thỏa thuận tại giai đoạn thi hành án.

[4] Đối với nghĩa vụ của ông Huỳnh An K1, bà T cho rằng ông K1 không cùng bà làm chủ hụi và không biết việc bà làm chủ hụi, số tiền bà có được từ việc làm chủ hụi (tiền đầu thảo) thì bà chỉ dùng để bù đắp các phần hụi mà hụi viên không đóng. Tuy nhiên, tại phiên hòa giải ngày 12/6/2026 bà T thừa nhận ông K1 có biết việc bà có làm chủ các dây hụi, không biết làm chủ những dây hụi nào và số tiền bà có được từ việc làm chủ hụi cũng sử dụng cho các chi phí trong sinh hoạt thiết yếu của gia đình, đồng thời, tại phiên tòa bà T cũng xác định khi các hụi viên đóng hụi thì có đến nhà bà để đóng, như vậy có cơ sở để xác định số tiền mà bà Đ yêu cầu trong vụ án này là nợ chung của bà T và ông K1. Trong quá trình chơi hụi, phía bà T, ông K1 là người có lỗi, vì không thực hiện đúng nghĩa vụ giao tiền hụi đầy đủ cho nguyên đơn. Vì vậy, bà T, ông K1 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Hằng số tiền hụi còn nợ là 114.000.000 đồng theo quy định tại Điều 280, Điều 351, Điều 357, Điều 468, Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 18, Điều 23, Điều 25 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, phường và quy định tại Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Toà án chấp nhận nên bị đơn bà Bùi Thị T và ông Huỳnh An K1 phải có trách nhiệm liên đới chịu số tiền án phí là 114.000.000 đồng x 5% = 5.700.000 đồng.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Khoản 2 Điều 227, Điều 228, Khoản 2 Điều 244, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 357, 468, 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Luật Thi hành án dân sự năm 2025; các Điều 18, 23, 25, 27 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, phường;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ về việc bà Đ yêu cầu bà Bùi Thị T và ông Huỳnh An K1 liên đới trả cho bà số tiền hụi còn nợ là 2.000.000 đồng và yêu cầu khởi kiện của bà T đối với bà Huỳnh Thị Cẩm T1.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ. Buộc bà Bùi Thị T và ông Huỳnh An K1 có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Đ số tiền hụi còn nợ là 114.000.000 đồng.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà Nguyễn Thị Đ có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bà Bùi Thị T và ông Huỳnh An K1 còn phải có trách nhiệm liên đới trả lãi cho bà Nguyễn Thị Đ theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Bùi Thị T và ông Huỳnh An K1 phải có trách nhiệm liên đới chịu số tiền án phí là 5.700.000 đồng. Bà Nguyễn Thị Đ không phải chịu án phí. Trả lại cho bà Nguyễn Thị Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.900.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010700 ngày 28/5/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để Tòa án nhân dân thành phố Thơ xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Đối với người vắng mặt thì thời hạn này được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 8, 36, và 72 của Luật Thi hành án dân sự năm 2025; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự năm 2025.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND KV10-Cần Thơ;
- THADS TPCT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lý Thị Tư